

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 4 - 2020

V/v ly hôn giữa ông C và bà H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thanh

Bà Bùi Thị Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Cao Mạnh C, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm , xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn ông Cao Mạnh C trình bày: Ông và bà Trần Thị Thu H kết hôn ngày 23 tháng 9 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi, xúc phạm nhau. Mặc dù đã được gia đình bạn bè khuyên giải nhưng cả hai đều không khắc phục được, từ ngày 10/11/2019 vợ chồng ông sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông

xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trần Thị Thu H.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là Cao Trần Thảo N, sinh ngày 02/01/2015, cháu đang ở với mẹ. Khi ly hôn ông tiếp tục giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay ông làm nghề tự do thu nhập mỗi tháng 08 triệu đồng nên ông sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng bà H theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà H không có điều kiện nuôi con hoặc từ chối nuôi con thì ông xin nhận nuôi, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Thu H đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng, triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng bà Hoa không đến cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, ngày 07/01/2020 Tòa án đã tiến hành bản xác minh tại địa phương - Đại diện Ủy ban xã Đ cung cấp: Ông Cao Mạnh C và bà Trần Thị Thu H kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, làm ăn sinh sống tại xã Đ, huyện N. Quá trình vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Cao Trần Thảo N, sinh năm 2015, nay ông C làm đơn xin ly hôn bà H với nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được, hiện bà H và ông C vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho bà H theo đúng quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Ông C và bà H đều vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn (ông C) đã thực hiện đúng; phía bị đơn (bà H) đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Áp dụng Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho ông Cao Mạnh C ly hôn bà Trần Thị Thu H. Tiếp tục giao con chung là cháu Cao Trần Thảo N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên có khả năng lao động tự lập được.

Về án phí: Ông Cao Mạnh C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Cao Mạnh C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Bà Trần Thị Thu H đã được Tòa án niêm yết thủ tục phiên tòa 02 lần hợp lệ, nhưng chị H vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Mạnh C và bà Trần Thị Thu H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, từ tháng 11 năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với bà H được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H. Bà H biết được việc Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của ông C nhưng bà không đến Tòa án làm việc, chính tỏ bà có ý thức bỏ mặc không mong muốn Tòa hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa ông C và bà H không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn bà Trần Thị Thu H của ông Cao Mạnh C phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Các đương sự có 01 con chung là cháu Cao Trần Thảo N, sinh ngày 02/01/2015. Khi ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cháu N đang ở cùng bà H, nên tiếp tục giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp;

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Theo Nghị định số 90 của Chính Phủ quy định mức lương tối thiểu cho người lao động theo vùng năm 2020 trên cả nước; Căn cứ Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Hiện ông C làm nghề tự do thu nhập bình quân mỗi tháng 08 (tám) triệu đồng, bà H làm tự do thu nhập bao nhiêu ông C không biết. Để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của cháu N, ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 4 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông Cao Mạnh C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa ông Cao Mạnh C và bà Trần Thị Thu H.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao bà Trần Thị Thu H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Trần Thảo N, sinh ngày 02/01/2015.

3. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Cao Mạnh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 4/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. Về án phí: Ông Cao Mạnh C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông C đã nộp theo Biên lai số 0001054, ngày 20 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Ông Cao Mạnh C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí.

5. Về quyền kháng cáo: ông Cao Mạnh C và bà Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND thị trấn N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh